

Số: 249/2018/QĐST- HNGĐ

ĐB, ngày 02 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 297/2018/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Lò Thị Th, sinh năm 1989.

Nơi ĐKKHKT: Thôn 4, xã HB, huyện ĐRL, tỉnh Đắk Nông.

Chỗ ở: Đội 10, xã TH, huyện ĐB, tỉnh Điện Biên.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Thôn 4, xã HB, huyện ĐRL, tỉnh Đắk Nông.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Chị Lò Thị Th và anh Nguyễn Văn T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị Th và anh Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Văn B sinh ngày 01/12/2009 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục chị Th không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

Vì Lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Về quan hệ tài sản:

Tài sản chung; tài sản riêng, nợ lấy về, nợ phải trả, diện tích ruộng, đất:
Không yêu cầu giải quyết.

2. 4. Án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 7 Điều 26; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Chị Th và anh T mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí DSST, nhưng chị Th đã tự nguyện chịu toàn bộ án phí DSST là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai số AA/2016/0003002 ngày 06/9/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Chị Th đã nộp đủ án phí và được trả lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- Các đương sự;
- UBND xã TX;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện DB;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lường Văn Lương